

13

15

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 225 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của  
Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp  
Bàu Bàng, diện tích 994,9468 ha (điều chỉnh quy hoạch)”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh diện tích và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng, quy mô 994,9468 ha” họp ngày 16 tháng 3 năm 2019;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng, diện tích 994,9468 ha (điều chỉnh quy hoạch)” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 732/CV/2019/IDC ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng, diện tích

994,9468 ha (điều chỉnh quy hoạch)” tại xã Lai Hưng và thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1163/QĐ-BTNMT ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng./.

**Nơi nhận:**

- Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Dương;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Dương;
- Ban quản lý các KCN tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, Pg(12).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**



## Phụ lục

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÀU BÀNG, DIỆN TÍCH 994,9468 HA (ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH)”

(Kèm theo Quyết định số 225/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

## 1. Thông tin về Dự án

### 1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng, diện tích 994,9468 ha (điều chỉnh quy hoạch).
- Địa điểm thực hiện: Xã Lai Hưng và thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Chủ đầu tư: Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP.
- Địa chỉ: Số 8 đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

### 1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) Bàu Bàng có diện tích 994,9468 ha tại xã Lai Hưng và thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Các hạng mục công trình chính: San lấp mặt bằng; hệ thống đường giao thông; hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc; hệ thống phân phối nước cấp; hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án bao gồm 08 mô-đun, tổng công suất 32.000 m<sup>3</sup>/ngày; hệ thống hồ ứng phó sự cố bao gồm 04 hồ, tổng dung tích 48.000 m<sup>3</sup>; 03 hồ điều tiết dung tích mỗi hồ 32.000 m<sup>3</sup> để tiếp nhận nước thải sau xử lý của các cơ sở nằm trong khu công nghiệp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.3. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào Dự án: Công nghiệp điện máy, điện công nghiệp, điện gia dụng; công nghiệp điện tử, công nghệ tin học, phương tiện thông tin, viễn thông và truyền hình công nghệ kỹ thuật cao; công nghệ chế tạo máy, thiết bị phụ tùng, lắp ráp phụ tùng; công nghiệp cơ khí và cơ khí chính xác; công nghiệp gốm sứ, thủy tinh, pha lê; công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; công nghiệp chế biến nông, lâm sản; công nghiệp sản xuất các loại khí công nghiệp; công nghiệp sản xuất thép xây dựng, thép ống; công nghiệp sản xuất dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi, nữ trang; công nghiệp sản xuất dụng cụ quang học, dụng cụ y tế; công nghiệp dệt sợi, may mặc và các

ngành công nghiệp phụ trợ; công nghiệp da, giả da, giày da (không thuộc da tươi); công nghiệp sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, nông dược, thuốc thú y; công nghiệp nhựa; công nghiệp cao su, săm lốp, các sản phẩm cao su kỹ thuật cao; công nghiệp sản xuất đồ gỗ, trang trí nội thất, vật liệu xây dựng; công nghiệp bao bì, chế biến, in ấn giấy (không sản xuất bột giấy từ tranh, tre, nứa, lá, rừng trồng).

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án**

### **2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu hành chính, công trình dịch vụ, khu nhà ở của Dự án, nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Dự án.

- Chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp phát sinh từ quá trình xây dựng và vận hành Dự án.

- Tác động môi trường chính của Dự án là nước thải công nghiệp phát sinh trong giai đoạn vận hành, xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận là suối Bến Ván, sau đó đổ ra sông Thị Tính.

### **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của Dự án trong giai đoạn vận hành khoảng 74.229 m<sup>3</sup>/ngày với các thông số ô nhiễm chính gồm: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P).

### **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

Bụi và khí thải từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp tại Dự án có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư, các thông số ô nhiễm chính gồm: Bụi, khí SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, mùi từ các trạm xử lý nước thải tập trung.

### **2.4. Quy mô, tính chất của các chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong giai đoạn hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp tại Dự án có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Một số loại chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm sản phẩm không đạt, nhựa, vỏ dây điện, bao bì, carton, phế phẩm, thực phẩm, các vật liệu thải bỏ.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên bao gồm các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa và các loại chất thải sinh hoạt khác.

### **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

Chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp tại Dự án có tính chất phụ thuộc ngành nghề thu hút đầu tư. Một số loại chất

thải nguy hại bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, thùng dung môi, hộp son, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, bao bì đựng hóa chất, bùn thải sau quá trình xử lý nước thải.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

- Hệ thống thoát nước mưa của Dự án: Nước mưa trên mặt đường và vỉa hè được thu gom vào hệ thống hố ga trên các tuyến đường, dẫn ra kênh thoát nước mưa trong KCN bằng các cống ngang đường và thoát về phía suối Bến Ván tại 3 cửa xả chính K5, K6 và K7, toàn bộ tuyến ống được thiết kế theo dạng tự chảy, cấu tạo ống cống bằng bê tông cốt thép.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, trừ nước thải của các cơ sở được miễn trừ đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung) được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án công suất 32.000 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả vào suối Bến Ván, sau đó đổ ra sông Thị Tính, hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Dự án bao gồm:

+ Mạng lưới thu gom nước thải tách riêng với nước mưa, cấu tạo bằng ống bê tông cốt thép đường kính Ø300 đến Ø1.000 bằng hình thức tự chảy dẫn về khu xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung cùng với nước thải công nghiệp, hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 32.000 m<sup>3</sup>/ngày gồm 08 mô-đun, đặt tại Khu dân cư 5E, xã Lai Hưng có diện tích 7,8 ha, mỗi mô-đun có công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải mô-đun số 1 (hiện đang hoạt động) như sau: Nước thải đầu vào → bể thu gom + tách rác thô và lắng cát → bể điều hòa + tách rác tinh → bể hóa lý bậc 1 và 2 (điều chỉnh pH, keo tụ, tạo bông) → bể lắng hóa lý 1 → bể oxy hóa nâng cao → bể sinh học hiếu khí → bể lắng 2 → bể trung gian → cụm bể lọc áp lực → bể khử trùng → mương quan trắc nước thải tự động → suối Bến Ván → sông Thị Tính.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải mô-đun số 2 (đang xây dựng) như sau: Nước thải đầu vào → bể thu gom + tách rác thô và lắng cát → bể trung gian → bể điều hòa + tách rác tinh → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể sinh học thiếu khí (anoxic) → bể sinh học hiếu khí (FBR) → bể lắng sinh học → bể khử trùng → mương quan trắc nước thải tự động → suối Bến Ván → sông Thị Tính.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải của các mô-đun xây dựng tiếp theo được thiết kế tương tự với quy trình công nghệ xử lý của mô-đun số 2 (dựa vào

đặc tính nước thải đầu vào tại thời điểm xây dựng).

+ Hồ sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung dung tích 48.000 m<sup>3</sup> được lót toàn bộ phần thành hồ và đáy bằng HDPE chống thấm để lưu chứa nước thải trong trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố.

+ Hồ điều tiết nước thải, tổng dung tích 96.000 m<sup>3</sup> gồm 3 hồ điều tiết (01 hồ đặt tại KCN, 01 hồ đặt tại KDC 5C thị trấn Lai Uyên, 01 hồ đặt tại KDC 5E xã Lai Hưng), dung tích mỗi hồ 32.000 m<sup>3</sup>/hồ để tiếp nhận nước thải sau xử lý của các cơ sở nằm trong khu công nghiệp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo toàn bộ các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án (không bao gồm nước thải của các cơ sở được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung) được thu gom và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A các hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ ) trước khi thải ra suối Bến Ván, sau đó ra sông Thị Tính. Không được phép xả thải trong trường hợp xảy ra sự cố với trạm xử lý nước thải tập trung hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni, độ màu; vị trí xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu 1 m<sup>2</sup> và thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

+ Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

+ Thỏa thuận về yêu cầu đối với nước thải của các dự án đầu tư thứ cấp vào Dự án trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm và kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án theo quy định.

+ Thực hiện các biện pháp quản lý đối với nước thải của các cơ sở nằm trong khu công nghiệp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tự xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_f = 0,9$ ) trước khi xả vào các hồ điều tiết của Dự án.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Các dự án đầu tư thứ cấp trong Dự án phải xử lý bụi và khí thải đạt các

quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt dọc các vỉa hè.

- Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Dự án do các Chủ đầu tư này tự ký hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động khu hành chính, trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án do Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các dự án đầu tư thứ cấp trong Dự án do các Chủ đầu tư tự ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động khu hành chính và trạm xử lý nước thải của Dự án do Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải nguy hại.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định

số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

### 3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: Các dự án đầu tư thứ cấp trong Dự án phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 10% tổng diện tích của Dự án theo quy định.

### 3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải tập trung: Xây dựng và vận hành hồ sự cố với dung tích chứa 48.000 m<sup>3</sup> để chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và được bơm ngược lại từ đầu để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải của các cơ sở nằm trong khu công nghiệp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung: Các cơ sở này phải xây dựng phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải trong đó phải xây dựng hồ ứng phó sự cố trong khuôn viên dự án thứ cấp đảm bảo lưu chứa nước thải tối thiểu 3 ngày, thực hiện giám sát tự động nước thải tự động, liên tục và truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải: các dự án đầu tư thứ cấp trong Dự án phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt riêng cho từng dự án.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn,



chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy đảm bảo chất lượng và hoạt động theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong toàn bộ các hoạt động của Dự án.

### 3.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Chỉ tiếp nhận vào Dự án các dự án đầu tư thứ cấp thuộc những ngành nghề như đăng ký trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, thực hiện phân khu chức năng trong Dự án đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu bằng 10% tổng diện tích đất của Dự án.

- Quy định cụ thể đối với các dự án đầu tư thứ cấp khi tiếp nhận vào Dự án về việc xử lý nước thải và thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

## 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng công suất 32.000 m<sup>3</sup>/ngày bao gồm 08 mô-đun, mỗi mô-đun có công suất 4.000 m<sup>3</sup>/ngày; hệ thống hồ ứng phó sự cố bao gồm 04 hồ với tổng dung tích 48.000 m<sup>3</sup>.

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án

### 5.1. Đối với nước thải:

- Giám sát nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường của các trạm xử lý nước thải tập trung và truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật, các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni, độ màu.

- Giám sát định kỳ:

+ Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra của các trạm xử lý nước thải tập trung và nước thải tại các hồ điều tiết.

+ Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, độ màu, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Hg, As, Pb, Cd, Cr<sup>3+</sup>, Cr<sup>6+</sup>, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng xianua, tổng phenol, dầu mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Clo dư, amoni, tổng N, tổng P, Clorua, Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột A, các hệ số K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> = 0,9.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

## 5.2. Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ tạm thời chất thải tập trung và khu lưu giữ chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

## 6. Các điều kiện khác có liên quan đến môi trường:

6.1. Tuân thủ các quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

6.2. Xây dựng, vận hành hệ thống hồ ứng phó sự cố nước thải có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải đối với các dự án đầu tư thứ cấp mới vào Dự án.

6.3. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

6.4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án; hướng dẫn các dự án đầu tư thứ cấp tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành.

6.6. Thực hiện các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ và an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành./.



